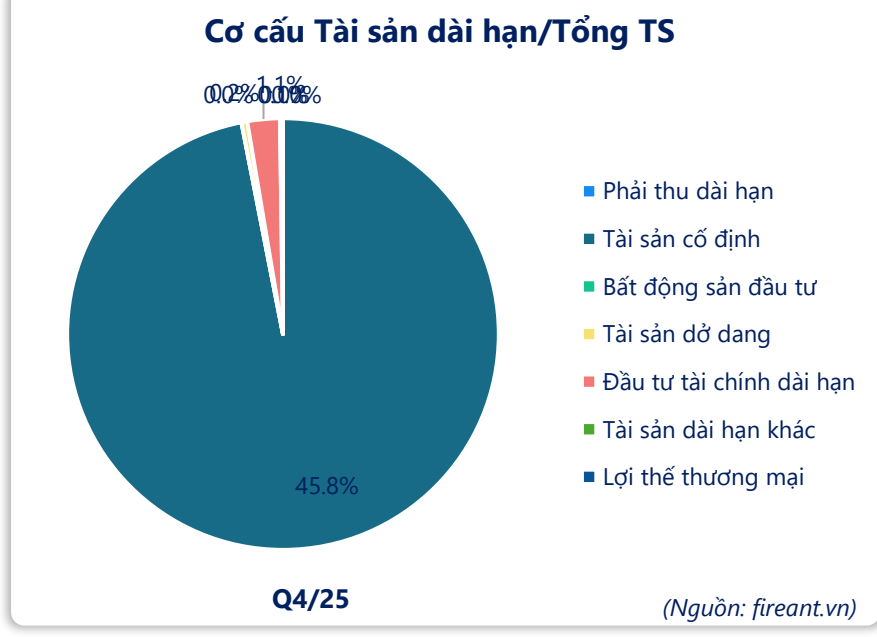
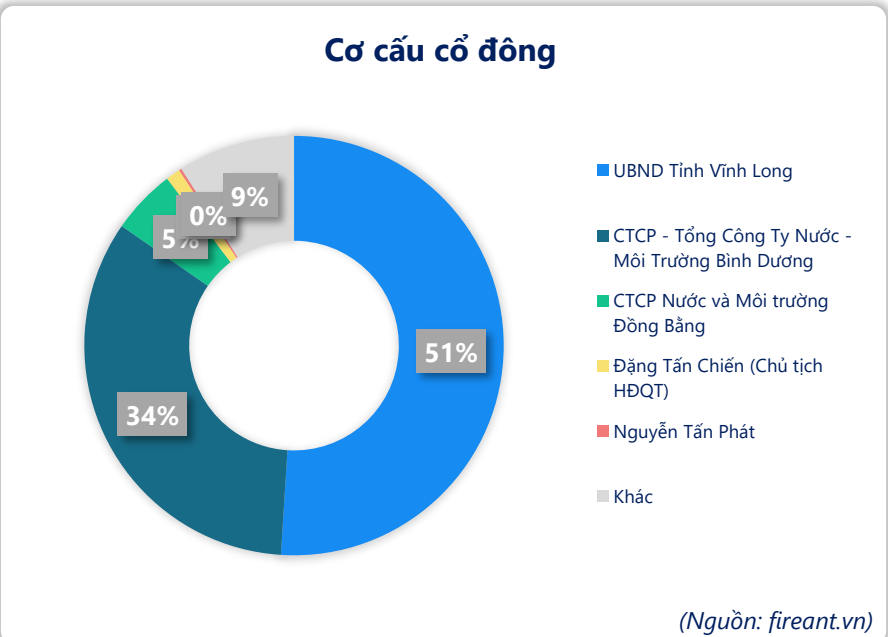
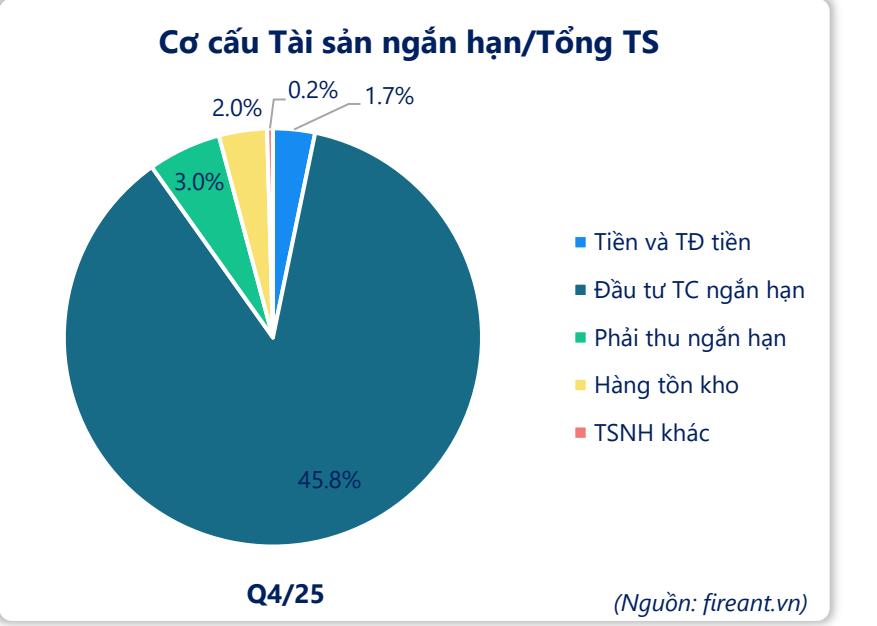
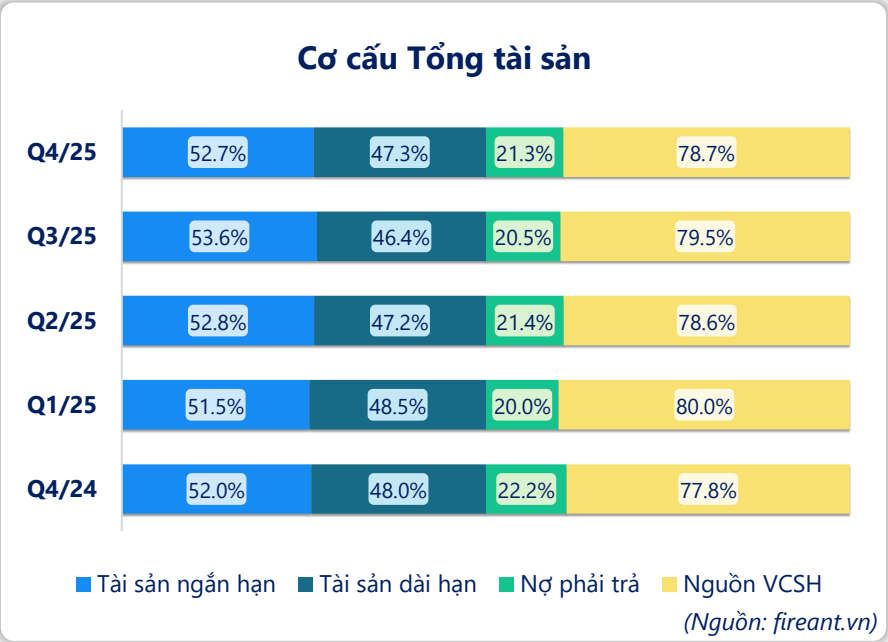
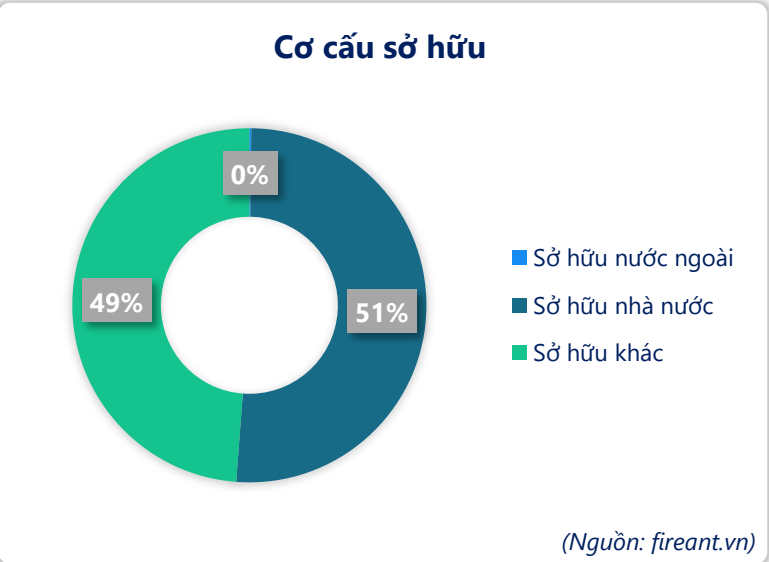
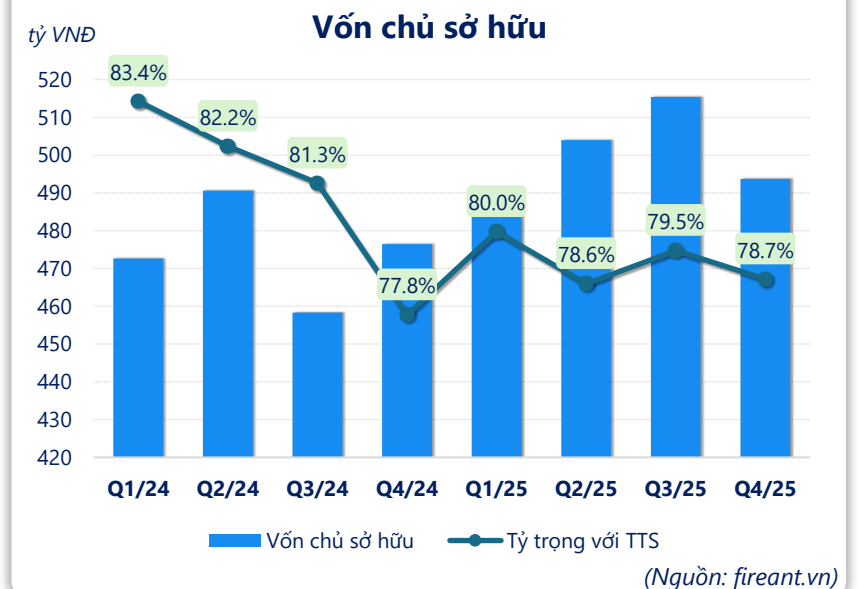
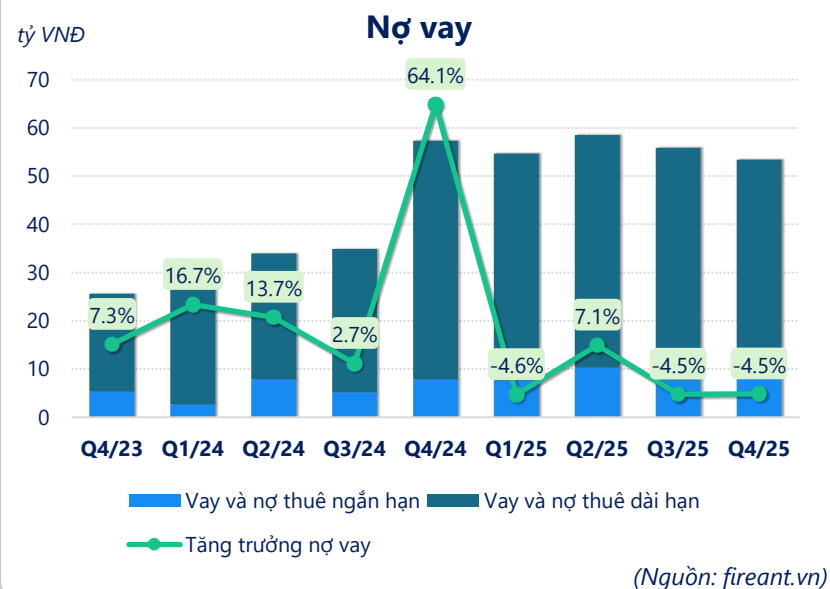
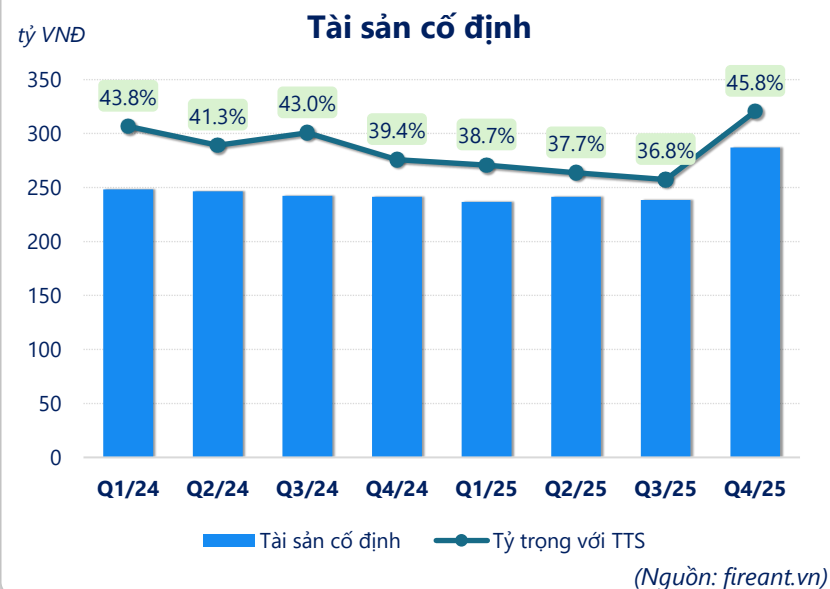
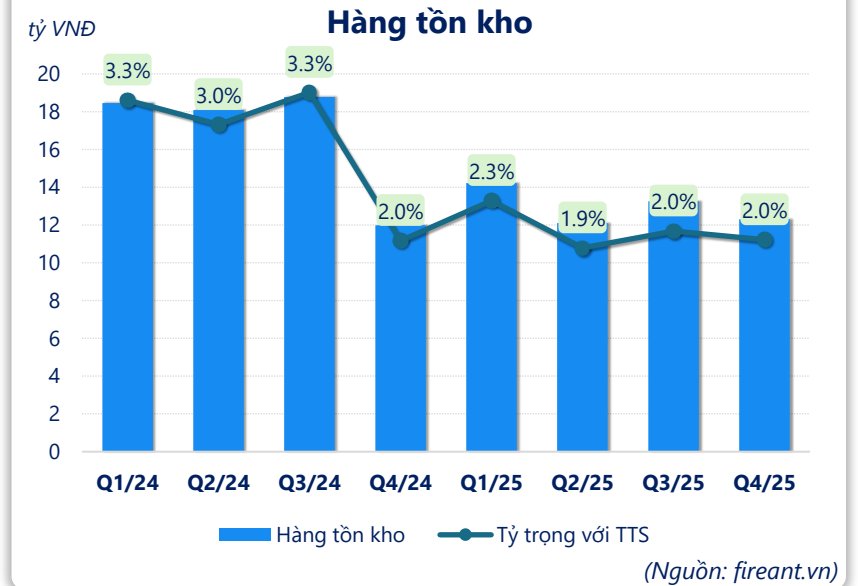
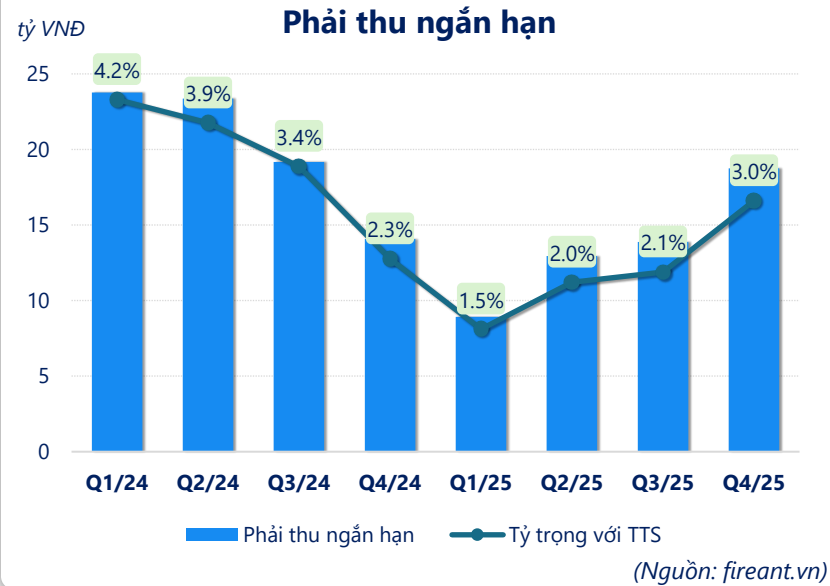
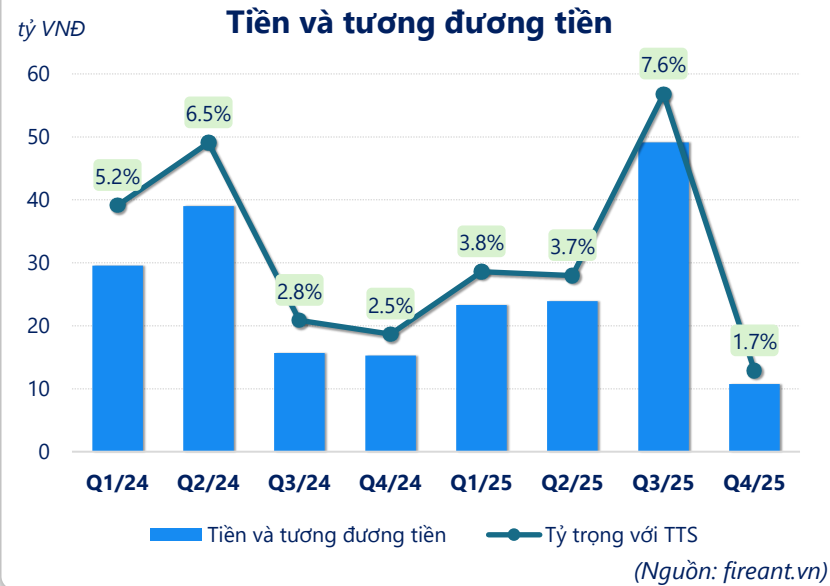
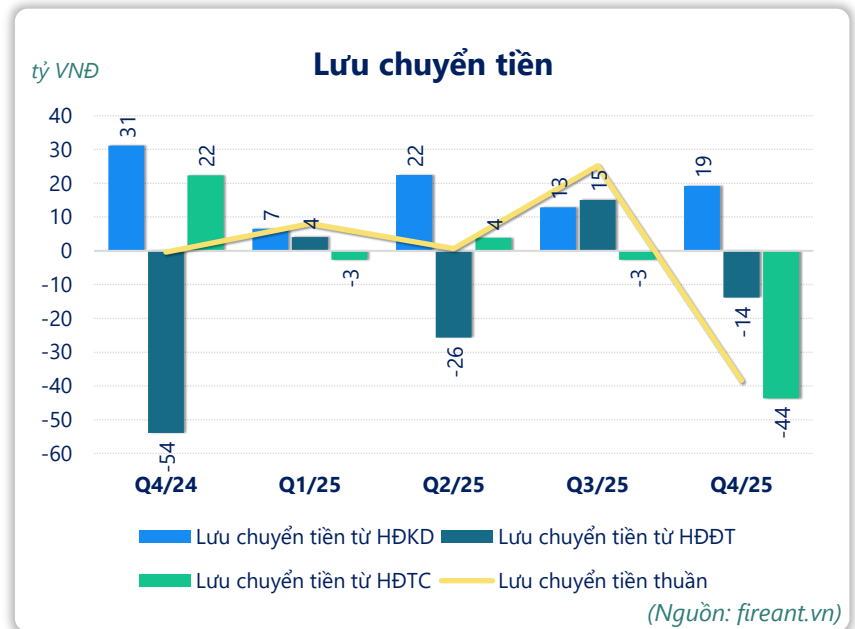
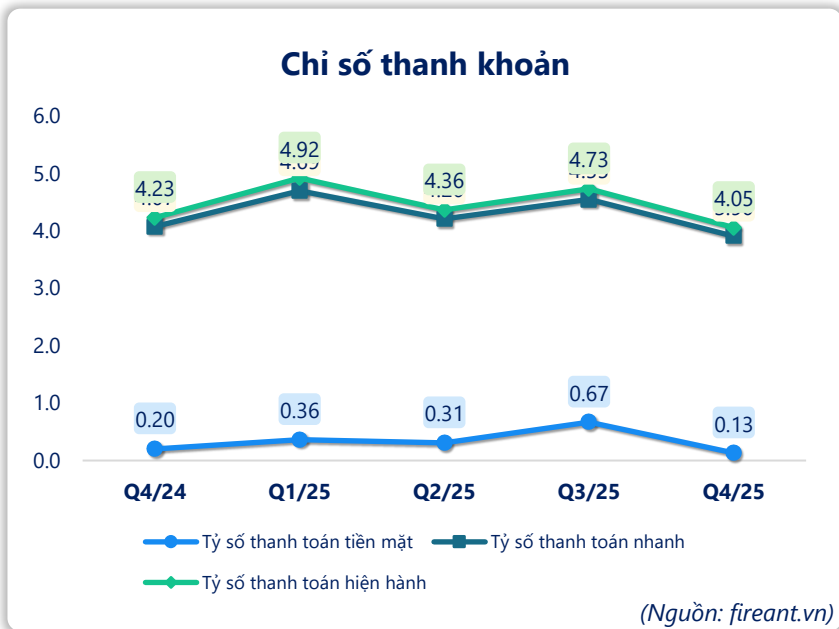
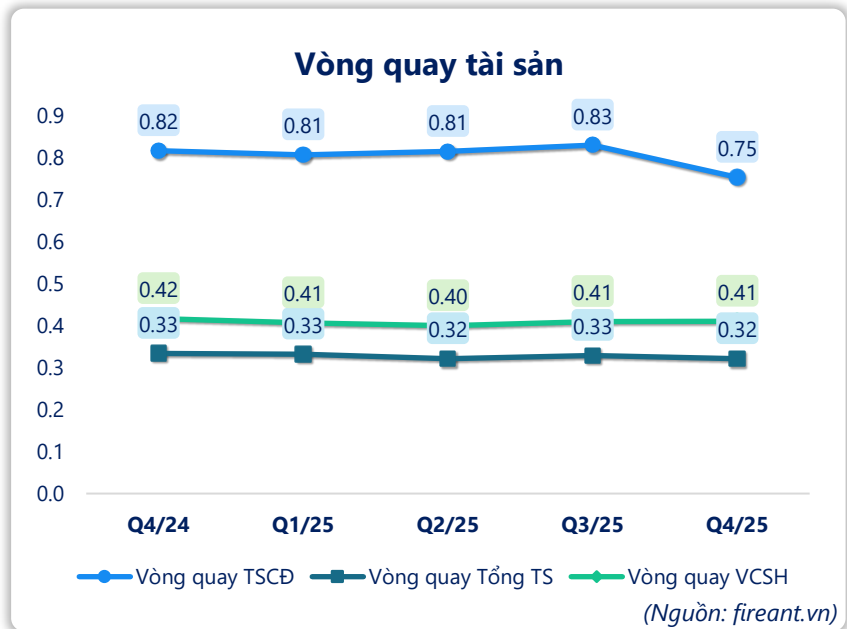
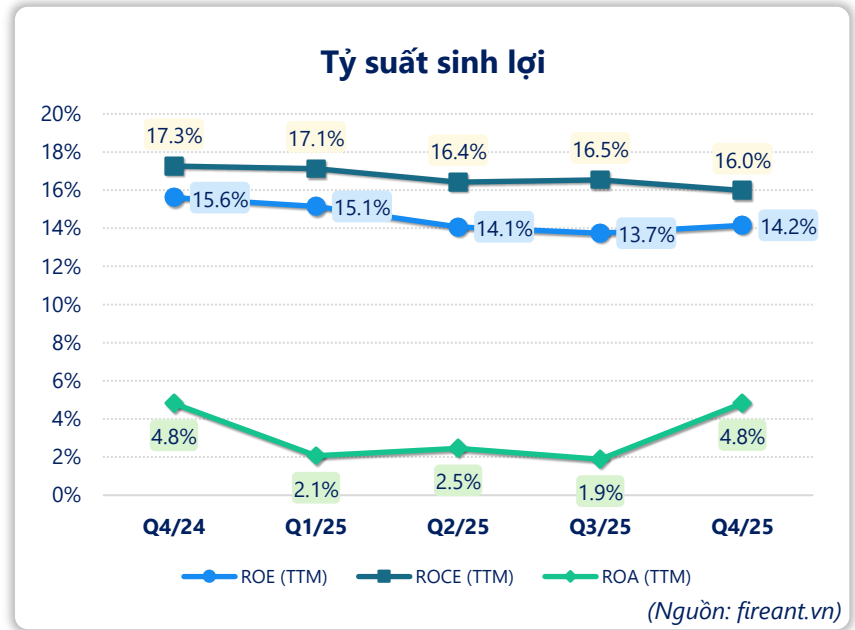
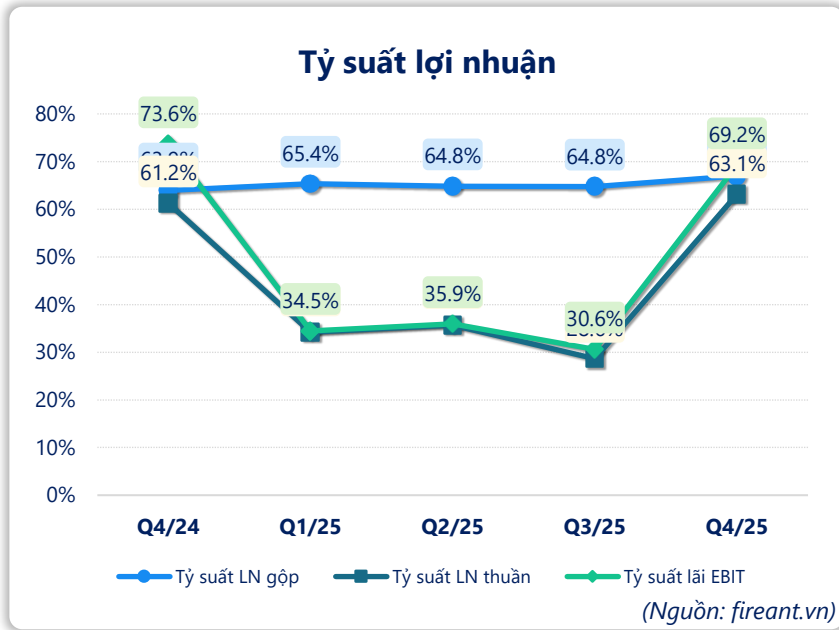
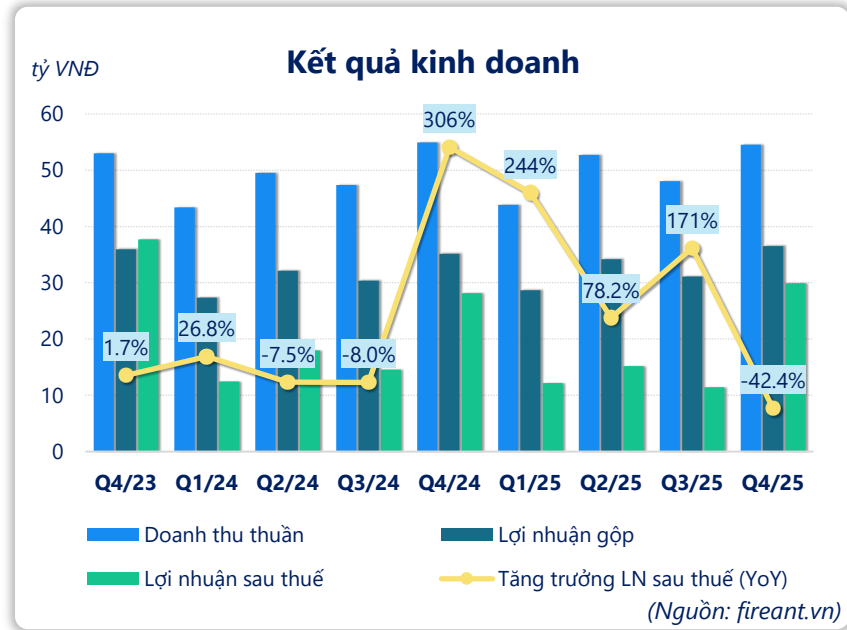


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		31,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		32,370
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		22,564
SL cổ phiếu LH		28,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		55
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		896
P/E		13.0
EPS		2,377

	YTD	1T	3T	6T
VLW	16.3%	14.8%	9.9%	15.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	627	613	2.4%
Tài sản ngắn hạn	331	319	3.8%
Tiền và tương đương tiền	10.7	15.3	-29.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	288	276	4.2%
Phải thu ngắn hạn	18.7	14.1	33.2%
Hàng tồn kho	12.3	12.0	2.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.48	1.56	-5.2%
Tài sản dài hạn	296	294	0.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	287	241	18.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.27	44.7	-97.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	7.21	7.21	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.66	0.58	14.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	133	136	-1.9%
Nợ ngắn hạn	81.6	77.7	5.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.3	10.3	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.53	8.75	-2.6%
Nợ dài hạn	51.9	58.3	-11.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	43.1	47.0	-8.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	494	477	3.6%
Vốn chủ sở hữu	494	477	3.6%
Vốn điều lệ	289	289	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	54.9	43.8	52.7	48.1	54.5
Giá vốn hàng bán	19.8	15.2	18.5	16.9	18.0
Lợi nhuận gộp	35.1	28.6	34.2	31.1	36.5
Doanh thu HĐTC	5.84	1.37	7.57	1.69	9.18
Chi phí TC	0.01	0.01	0.26	0.76	0.75
Chi phí lãi vay	0.01	0.01	0.26	0.76	0.75
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.03	9.92	12.4	11.9	-1.11
Chi phí QLDN	7.28	5.10	10.3	6.38	11.6
LN thuần từ HĐKD	33.6	15.0	18.8	13.8	34.4
Lợi nhuận khác	6.80	0.13	-0.14	0.17	2.58
LN trước thuế	40.4	15.1	18.7	13.9	37.0
Lợi nhuận sau thuế	28.1	12.2	15.2	11.4	29.9
LNST của CĐ cty mẹ	28.1	12.2	15.2	11.4	29.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	31.1	6.58	22.5	12.8	19.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-54.0	4.11	-25.7	15.0	-13.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	22.4	-2.66	3.87	-2.65	-43.7
Tiền đầu kỳ	15.7	15.3	23.3	23.9	49.1
Lưu chuyển tiền thuần	-0.42	8.02	0.63	25.2	-38.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	15.3	23.3	23.9	49.1	10.7

(Nguồn: fireant.vn)